

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2019/DS-ST**

Ngày: 28-11-2019

V/v “*Tranh chấp
hợp đồng dân sự góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1956 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp Kim Qui A¹, xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* - Ông Phạm Văn H; (*vắng mặt*)

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp Ngọc Thành, xã Vân Khánh Đông, huyện An Minh - Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2019 nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày và yêu cầu như sau:*

Ngày 30/9/2014 âm lịch, ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị Ng có tham gia 01 phần hội do bà M làm chủ, loại hội 1.000.000đ, 01 tháng mở 01 lần, đây hội gồm 15 người tham gia, nhưng 20 phần (Út Đăng tham gia 02 phần, Hai Súng tham gia 02 phần, Bình Gái tham gia 03 phần, những người còn lại là 01 phần), khi mở hội thì ông H và bà Ng đóng hội sống đến lần thứ ba, lần thứ tư bà Ng và ông H lĩnh, số tiền hội đã lĩnh là 12.100.000đ. Sau đó vợ chồng H, bà Ng tiếp tục góp tiền hội được 11 lần (góp trước khi lĩnh là 04 lần + sau khi lĩnh hội là 11) (lần thứ 15 đóng 500.000đ còn nợ lại 500.000đ) còn nợ 4,5 lần với số tiền 4.500.000đ. Đây hội này mãi năm 2016 âm lịch. Sau đó ông H, bà Ng không góp tiền hội nữa nên bà M có đến gặp ông H, bà Ng đòi số tiền hội mà bà phải góp thay cho ông H và bà Ng nhưng ông H, bà Ng cho rằng đây hội chỉ 15 phần nên đã góp tiền hội cho bà M thừa 500.000đ nên không đồng ý góp tiền hội cho bà tiếp và còn thách thức bà khởi kiện.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Minh giải quyết buộc ông H, bà Ng phải trả cho bà số tiền hội còn thiếu là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:*

Ngày 30/9/2014 âm lịch, bà và ông H có tham gia 01 phần hội do bà Lê Thị M làm chủ, loại hội 1.000.000đ, 01 tháng mở hội 01 lần, khi áp hội thì chủ hội ghi sổ hội viên, không giao danh sách hội cho hội viên nên ông bà không rõ là có bao nhiêu phần tham gia, bà đóng hội sống được 03 lần thì đến lần thứ 04 thì ông bà lĩnh. Khi bà M giao tiền hội cho ông bà không làm văn bản giấy tờ gì, chỉ nghe bà M nói bằng lời nói là 15 người, chết 3 người, còn 12 người, số tiền hội nhận là 9.200.000đ, trừ tiền huê hồng 500.000đ, còn lại bà M giao cho ông bà số là 8.700.000đ.

Do bà M không đưa danh sách hội nên ông bà không biết họ tên tuổi địa chỉ của những người cùng tham gia hội này. Đây hội này đã mãi vào thời gian năm 2016 không nhớ ngày, tháng, năm nào. Ông bà tham gia góp hội bằng lời nói, không trực tiếp đi mở hội, bà M nói bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu. Khi giao tiền hội bà M nói đây hội có 15 người thì biết là 15 phần tham gia, bà đã đóng đủ tiền hội cho bà M 15 phần, còn thừa 500.000đ nên không đồng ý góp thêm đồng nào tiền hội bà M. Tiền hội lĩnh về nhằm mục đích để sửa chữa nhà.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Lê Thị M vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như trên. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Ng

phải trả cho bà số tiền hội còn thiếu là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Phạm Văn H cùng bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt đến lần thứ hai không vì lý do.

- *Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị M thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn ông Phạm Văn H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Ng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến nay vắng mặt là chưa đảm bảo về quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung và ý kiến việc giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ, ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa xác định được ngày 30/9/2014 âm lịch, bà M có tổ chức góp hội, do bà M làm chủ, loại hội 1.000.000đ/tháng, khi tổ chức góp hội qua chứng cứ xác định là chủ hội ghi sổ, trong thời gian tham gia góp hội thì ông H, bà Ng có tham gia 01 phần và đã lĩnh hội và có nộp tiền hội cho bà M đến lần thứ 15 thì ngưng không góp tiền hội cho bà M nên phát sinh tranh chấp. Bà M khởi kiện yêu cầu ông H và bà Ng trả tiền hội chưa góp, xét thấy; yêu cầu của bà M là có căn cứ bởi vì qua những chứng cứ của những người góp hội cùng với ông H, bà Ng khẳng định đây hội 30/9/2014 là 15 người tham gia nhưng 20 phần, trong đó có người tham gia 03 phần, có người tham gia 02 phần, nên xác định được đây hội áp ngày 30/9/2014 là có 20 phần tham gia, ông H và bà Ng đã góp được 15,5 lần, còn nợ lại bà M 4,5 lần chưa góp với số tiền là 4.500.000đ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị M, khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Văn H trả tiền hội còn thiếu, được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay bị đơn ông H và bà Ng, cư trú tại xã Vân Khánh Đông, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn ông Phạm Văn H cùng bà Nguyễn Thị Ng biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện của bà M đòi ông H, bà Ng trả tiền hội. Nhưng ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ng không có ý kiến trình bày và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông H và bà Ng đã nhận. Nhưng ông H và bà Ng vẫn vắng mặt không có lý do nên xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông H, bà Ng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, tại phiên tòa nguyên đơn bà M không yêu cầu hoãn phiên tòa nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về nội dung và yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 30/9/2014 âm lịch, bà Lê Thị M có tổ chức góp hội, bà làm chủ, loại hội 1.000.000đ, 01 tháng mở hội 01 lần, khi áp hội thì chủ hội ghi sổ theo dõi hội viên, trong đây hội này thì giữa bà M và ông H, bà Ng không thống nhất với nhau số phần hội tham gia góp hội (*bà Mua xác định là có 20 phần tham gia, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Ng xác định 15 phần tham gia*), nên bà Ng và ông H cho rằng góp tiền hội cho bà M 15,5 lần là còn thừa 500.000đ không thiếu, thấy rằng lời khai nại của bà Ng, ông H nêu ra không có cơ sở. Vì qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như những người cùng tham gia góp hội cùng với ông H và bà Ng đây hội do bà M làm chủ ngày 30/9/2014 âm lịch như ông Nguyễn Văn Tiền, bà Quách Thị Phương tự xác định đây hội gồm có 15 người tham gia nhưng có 20 phần, (*trong đó: ông Út Đăng 02 phần, Hai Xứng 02 phần, Bình Gái 03 phần*), trong đó có bà Ng và ông H, mặc khác chính lời trình bày của bà Ng xác định đây hội có 15 phần nhưng sau khi lĩnh hội xong thì bà góp tiền hội cho bà M 15,5 lần (thừa so với số người tham gia trong đây hội như bà Ng nêu ra), trong quá trình tố tụng thì Tòa án có yêu cầu bà Ng và ông H cung cấp chứng cứ chứng minh xác định đây hội có 15 phần tham gia để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình là có căn cứ nhưng hết thời gian quy định ông bà không cung cấp được nên lời khai nại của bà Ng, ông H là không có cơ sở xem xét nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M và ý kiến của Kiểm sát viên nêu ra buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Văn H phải trả cho bà M số tiền 4.500.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự (*Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005*) Điều 16,

Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án. Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Mua tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0006412 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Văn H phải trả cho bà Lê Thị M tiền hụi còn thiếu là 4.500.000 đồng (**Bốn triệu năm trăm nghìn đồng**).

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/11/2019) đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án này tổng đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đ/s;
- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP.

Lê Mỹ Huê